niān huài

蔫坏

adjective · quietly mischievous; slyly naughty

Example Sentence

Tā kàn qǐ lái lǎo shi qí shí niān huài zǒng ài tōu tōu zhuō nòng rén
他看起来老实，其实蔫坏，总爱偷偷捉弄人。

He looks honest, but is actually quietly mischievous, always secretly playing tricks on people.

Trace each character, then write the word on your own.

蔫 蔫 蔫 蔫 蔫 蔫 蔫 蔫 蔫 蔫 蔫

蔫 蔫 蔫 蔫 蔫 蔫

坏 坏 坏 坏 坏 坏 坏 坏 坏 坏